

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày 27/6/2023

V/v: “*Tranh chấp về quyền yêu cầu
mở lối đi qua*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông: Trịnh Hồng Hà
 - + Ông: Nguyễn Văn Diệp
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về quyền yêu cầu mở lối đi qua*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 07/6/2023 giữa các đương sự:

- + *Nguyên đơn:* 1. **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1964.
2. **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1969.
3. **Huỳnh Thanh L**, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của ông P.

- + *Bị đơn:* **Ngô Thị N**, sinh năm: 1931.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: **Ngô Văn L**, sinh năm: 1970 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà N.

- + *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- 2. **Ngô Văn L**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2022, ngày 02/11/2022 của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L, trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Các nguyên đơn có phần nhà và đất nằm phía trong phần đất của bà N đang đứng tên quyền sử dụng đất, hiện do anh Ngô Văn L (con bà N) đang quản lý, sử dụng tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cụ thể như sau:

- Phần đất của ông P thuộc thửa số 298, tờ bản đồ số 06 do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

- Phần đất của ông Q thuộc các thửa số 565, 552, 559, tờ bản đồ số 01 do ông Nguyễn Văn Quý đứng tên quyền sử dụng đất.

- Phần đất của anh L thuộc thửa số 288, tờ bản đồ số 06 do anh Huỳnh Thanh L đứng tên quyền sử dụng đất.

Từ nhà các nguyên đơn muốn đi ra lộ công cộng phải đi qua phần đất của bà N. Lối đi được bắt đầu từ lộ ấp (đường ĐX.02) qua đất bà N đến đất ông P qua đất anh Huỳnh Thanh L đến phần đất ông Q. Lối đi này được hình thành trên 30 năm, là lối đi chung cho những người dân có đất phía trong đi lại.

Thời gian gần đây, anh Ngô Văn L là con của bà N gây khó dễ và buộc các nguyên đơn mua phần lối đi với giá cao, các nguyên đơn không có điều kiện mua đất nên xảy ra tranh chấp. Nay, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N cùng anh Ngô Văn L mở cho gia đình các nguyên đơn một lối đi ra lộ công cộng theo đo đạc thực tế có chiều ngang 02m, dài (cạnh hướng Tây 22,75m, cạnh hướng Đông: $19,98m + 0,98m + 1,47m = 22,43m$ thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 06 (thửa cũ 2702, tờ bản đồ số 01), diện tích $45m^2$ do bà Ngô Thị N đứng tên quyền sử dụng đất, do anh Ngô Văn L đang quản lý, sử dụng tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Các nguyên đơn đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo giá Hội đồng định giá đã định.

Do bà Ngô Thị T không có liên quan gì trong vụ án nên các nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với bà T.

Trên phần đất tranh chấp có bậc tam cấp có chiều ngang khoảng 0,60m đến 0,62m, dài 0,98m) gắn với phần nhà của chị Trương Ngọc Tuyết S cất trên phần đất còn lại của bà N, các đương sự cùng chị S tự thoả thuận không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, định giá đất và không có yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn L trình bày:*

Phần đất các nguyên đơn tranh chấp về lối đi thuộc một phần thửa số 299, tờ bản đồ số 06 (thửa cũ 2702, tờ bản đồ số 01) do mẹ anh là bà Ngô Thị N đứng tên quyền sử dụng đất tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Do bà N có đông con, đất ít, bà N cho mỗi đứa con 01 phần đất để cất nhà ở, phần đất anh được cho có chiều ngang 05m, vị trí đất tại phần lối đi tranh chấp nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Anh dự định cất nhà để ở, nếu các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi ngang 02m thì không còn đủ đất để anh cất nhà. Nếu các nguyên đơn có nhu cầu đi lại thì phải trả cho anh số tiền để anh có điều kiện mua đất khác cất nhà ở. Hiện anh đang sử dụng phần đất này, anh chị em trong gia đình có nhà riêng và đến chăm sóc mẹ khi đau ốm không có liên quan gì trong vụ án trên.

Theo yêu cầu của các nguyên đơn, anh và bà N không đồng ý. Vì ngoài lối đi này, các nguyên đơn còn có lối đi khác theo hướng từ đất ông Q đến đất của ông C và những chủ đất khác để ra lộ. Các chủ đất khác không cho các nguyên đơn đi lại thì các nguyên đơn tự thoả thuận với họ để có lối đi cho phù hợp, gia đình anh không có nghĩa vụ tạo lối đi cho các nguyên đơn.

Trường hợp, các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên đất của bà N theo kết quả đo đạc, anh yêu cầu trả giá trị quyền sử dụng đất là 6.000.000 đồng/m² cho bà N.

Anh không có ý kiến gì về kết quả đo đạc, định giá mà yêu cầu Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh đang cất nhà ở trên phần đất của ông Q (anh là cháu ông Q). Ông Q định cho gia đình anh phần đất trên nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên anh không có đứng tên khởi kiện cùng các nguyên đơn. Từ nhà anh ra lộ phải đi trên lối đi qua phần đất của bà N cùng với các nguyên đơn, anh có yêu cầu như ý kiến của nguyên đơn. Anh cùng nguyên đơn thoả thuận về việc chịu chi phí phát sinh khi yêu cầu mở lối đi, không yêu cầu Toà án xem xét. Anh đồng ý kết quả đo đạc, định giá và không có yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Điều 254 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu bà N mở lối đi có chiều ngang 02m, dài (cạnh hướng Tây 22,75m, cạnh hướng Đông: 19,98m + 0,98m + 1,47m) thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 06 do bà Ngô Thị N đứng tên quyền sử dụng đất tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Các đồng nguyên đơn phải bồi hoàn giá trị đất hợp lý cho bà Ngô Thị N theo giá của Hội đồng định giá đã định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các nguyên đơn gồm: Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn L mở lối đi trên đất của bà N đứng tên quyền sử dụng đất để đi lại. Qua yêu cầu của nguyên đơn cho thấy, đây là vụ kiện: “*Tranh chấp về quyền yêu cầu mở lối đi qua*” theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bất động sản tọa lạc tại xã An P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị N là người đứng tên quyền sử dụng đất mở lối đi, chị Ngô Thị T và anh Ngô Văn L là người đang quản lý, sử dụng đất nên là người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan trong vụ án. Qua xác minh thu thập chứng cứ phần đất tranh chấp là của cá nhân bà N và anh L là người đang quản lý sử dụng đất. Chị T cũng thừa nhận và từ chối tham gia tố tụng, các nguyên đơn cũng đồng ý và xin rút yêu cầu đối với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đưa chị Ngô Thị T vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: Phần lối đi tranh chấp các nguyên đơn yêu cầu mở theo đo đạc thực tế có diện tích 45m^2 (ký hiệu họa đồ hiện trạng sử dụng đất thuộc thửa 299-2, diện tích $0,6\text{m}^2$ và thửa 299-3, diện tích $44,4\text{m}^2$) do bà Ngô Thị N đứng tên quyền sử dụng đất tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hiện do anh Ngô Văn L đang quản lý, sử dụng

Qua xem xét thẩm tra các chứng cứ chứng minh và lời trình bày của các bên đương sự thấy rằng lối đi ông Q, ông P và anh L yêu cầu mở là phần đất liền và là một đường tương đối thẳng. Lối đi có tứ cận như sau:

- Hướng Đông và Tây giáp phần còn lại của bà Ngô Thị N.
- Hướng Nam giáp đường DX.02.
- Hướng Bắc giáp phần đất thửa số 298 của ông Nguyễn Văn P.

Trên phần đất tranh chấp có bậc tam cấp (ký hiệu họa đồ hiện trạng sử dụng đất thuộc thửa 299-2, có chiều ngang 0,6m đến 0,62m, dài 0,98m diện tích chung là $0,6\text{m}^2$) gắn với phần nhà của chị Trương Ngọc Tuyết S cất trên phần đất còn lại của bà N, các đương sự cùng chị S tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét đến.

Trên lối đi tranh chấp không có cây trồng.

[4] Các đương sự thống nhất lối đi này hiện các hộ phía trong đang sử dụng để đi lại. Tuy nhiên, phía anh L là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn và yêu cầu các nguyên đơn thương lượng với các chủ đất mở lối đi theo hướng bắt đầu từ đất của ông P qua đất anh Huỳnh Thanh L đến đất ông Q qua đất của ông C đến đất của bà Ngô Thị Đẹp và những chủ đất khác để ra lộ công cộng.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy, lối đi anh Ngô Văn L yêu cầu mở có một đoạn nằm trên phần đất của ông P, đất của anh Huỳnh Thanh L đến đất ông Q có lối mòn hiện các nguyên đơn cùng anh H và gia đình đang đi lại để ra lộ công cộng theo hướng đất của bà N. Đoạn từ phần đất của ông Q đến nhà, đất của ông C không có lối mòn. Đến phần đất có đường đàng ông C đã chuyển nhượng cho nhiều người khác (hiện phân lô làm nền, đất đang bỏ trống các đương sự không biết người sử dụng đất ở đâu) rẽ trái là con đường đàng là đất của anh Hồ Văn Miên Em (con bà Đẹp) đến lộ xã hiện có gia đình ông C, cùng những hộ khác có nhà, đất tại khu vực này đang đi lại. Lối đi này, nằm trên đất liền, có chiều dài hơn 500m, có nhiều đoạn quanh co không tiện lợi. Hiện, đoạn từ đất của ông C đến đất anh Miên Em và những hộ khác đến lộ đang sử dụng để đi lại không có ai tranh chấp gì. Nhưng từ nhà, đất ông C đến nhà đất ông Q không phải là đường đi, không có lối mòn và ông C không đồng ý cho các nguyên đơn mở lối đi trên đất của ông. Do đó, việc anh L cho rằng, các nguyên đơn có thể thương lượng với chủ sử dụng đất để đi lại là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Thực tế xác định, trước kia tại khu vực đất của ông Q, ông C có phần là đất ruộng, có bờ mầu, gia đình ông Q có đi lại (đi bộ) để ra lộ nhưng đường đi chính để đi lại và vận chuyển hoa lợi trên đất ra lộ công cộng bằng lối đi theo hướng qua đất

của bà N. Đến năm 2009, gia đình ông Q không còn đi lại trên đất của ông C nữa mà đi theo lối đi qua đất bà N cùng với gia đình ông P, sau này có gia đình anh Huỳnh Thanh L. Gia đình bà N không có ý kiến hay tranh chấp gì coi như đã đồng ý cho các nguyên đơn đi lại trên đất của bà N.

[6] Hiện tại phần đất các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên đất bà N thuộc loại đất trồng cây lâu năm, chiều ngang tính từ nhà của chị S (cháu bà N) về hướng Tây còn khoảng trống có chiều ngang khoảng 08m đến 09m, chiều dài hết thửa đất là đất trống. Anh Ngô Văn L cho rằng, bà N chỉ cho anh phần đất có chiều ngang 05m tại vị trí có lối đi tranh chấp, phần còn lại cho người con khác để cất nhà ở nên nếu các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi 02m chiều ngang, anh không còn đủ đất để cất nhà là chưa phù hợp. Vì hiện tại mục đích sử dụng đất không phải là đất ở nông thôn, phần đất trống còn lại theo hướng Tây do bà N đứng tên quyền sử dụng đất vẫn còn trống và bà N chưa tặng cho các con nên việc anh Ngô Văn L không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của các nguyên đơn là chưa phù hợp với thực tế sử dụng đất.

[7] Đối với yêu cầu của các nguyên đơn xin mở lối đi để gia đình các nguyên đơn có điều kiện đi lại trong sinh hoạt hằng ngày trên phần đất của bà N đứng tên quyền sử dụng đất và anh Ngô Văn L đang quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì đây là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, không ảnh hưởng nhiều đến thu nhập kinh tế của gia đình bà N. Hiện tại, gia đình các nguyên đơn không còn lối đi nào khác và đây cũng là lối đi gia đình bà N đã cho gia đình các nguyên đơn đi lại nhiều năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

[8] Việc các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên đất của bà N dù không có cây trồng nhưng ít nhiều cũng gây cản trở và thiệt hại đối với gia đình bị đơn. Anh Ngô Văn L không đồng ý mở lối đi cho các nguyên đơn nhưng yêu cầu các nguyên đơn phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà N là 6.000.000 đồng/m². Các nguyên đơn đồng ý đền bù thiệt hại toàn bộ về đất theo kết quả định giá. Xét yêu cầu của anh Ngô Văn L là không có căn cứ, vì giá đất thực tế của Hội đồng định giá huyện Châu Thành đã định đã được khảo sát tại địa phương là phù hợp với giá thực tế, tuy anh L không có ý kiến gì nhưng cũng không có khiếu nại hay yêu cầu về giá đất. Hơn nữa, các nguyên đơn đồng ý đền bù toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn mà không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản về việc định giá tài sản ngày 24/01/2023 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành, xác định giá đất thửa số 2702, tờ bản đồ số 01 (thửa mới thửa 299, tờ bản đồ số 06) là 5.000.000 đồng/m² là phù hợp với quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Cụ thể, buộc các nguyên đơn có nghĩa vụ liên đới bồi hoàn cho bà N giá trị quyền sử dụng đất, diện tích 45m² x giá đất 5.000.000 đồng/m² = 225.000.000 đồng.

Ghi nhận việc các nguyên đơn và anh H cùng thoả thuận đi lại trên lối đi chung với nguyên đơn và không có yêu cầu gì khác.

[9] Về chi phí tố tụng gồm:

- Chi phí đo đạc thửa đất tranh chấp là: 2.119.000 đồng (theo hoá đơn bán hàng số 6527 ngày 12/4/2023) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

- Chi phí định giá là 800.000 đồng ngày 24/01/2023 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành.

Tổng cộng: 2.919.000 đồng, các nguyên đơn tự nguyện chịu. Ghi nhận các nguyên đơn đã nộp xong.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là phù hợp nên được chấp nhận.

Ông Q, ông P, anh L không phải chịu án phí nên mỗi người được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010592, 0010590, 0010591 cùng ngày 11/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 171, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L về việc yêu cầu bà Ngô Thị N và anh Ngô Văn L mở cho gia đình các nguyên đơn một lối đi trên phần đất thuộc một phần thửa số 299, tờ bản đồ số 06 (thửa cũ 2702, tờ bản đồ số 01), diện tích 45m² tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Ngô Thị N và anh Ngô Văn L có nghĩa vụ mở cho gia đình ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L một lối đi theo đo đạc thực tế diện tích 45m² (ký hiệu họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 299-2, diện tích 0,6m² và thửa 299-3 diện tích 44,4m²), tờ bản đồ số 06 do bà Ngô Thị N đứng tên quyền sử dụng đất và anh Ngô Văn L đang quản lý, sử dụng tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Có kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất)

Hộ ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L được tạo điều kiện thuận lợi sử dụng phần lối đi như trên nhưng không gây thiệt hại đến tài sản của người khác.

2. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị N đối với diện tích đất làm lối đi mà gia đình ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L được quyền đi qua, giới hạn chiều cao lối đi trên khoảng không tính từ mặt đất tự nhiên là 05m. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2013 tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn P, anh Huỳnh Thanh L có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà Ngô Thị N quyền sử dụng đất trị giá bằng tiền là: Đất trị giá 5.000.000 đồng/m² x diện tích 45m² = 225.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

4. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết bậc tam cấp (ký hiệu họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 299-2, có chiều ngang

0,6m đến 0,62m, dài 0,98m, diện tích chung là 0,6m²) của chị Trương Ngọc Tuyết S nằm trên phần lõi đi tranh chấp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà N nếu ông Q, ông P và anh L chưa trả số tiền như án tuyên thì ngoài việc phải trả còn phải chịu thêm phần lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuý Hằng